

Số: 16/2021/QĐST-HNGĐ

ĐD, ngày 03 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Bùi Văn B, sinh năm 1974; Cư trú tại: Ấp TL B, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Phạm Tuyết N, sinh năm 1982; Cư trú tại: Ấp TL B, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh B và chị N chung sống với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cự cãi, anh chị đã ly thân khoảng 02 năm nay. Mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã được gia đình hàn gắn nhưng không đoàn tụ được. Nay anh, chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Tên Bùi Triệu N1, sinh ngày 15/12/2000 và Bùi Vạn N2, sinh ngày 18/9/2003. Anh B và chị N thống nhất đối với cháu Triệu N1 đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên không đặt ra xem xét. Đối

với cháu Vạn N2, thống nhất giao cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Vạn N2 được tiếp tục sống cùng cha là anh B.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Anh B và chị N xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[4] Các vấn đề khác: Anh B và chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh B và chị N mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Văn B và chị Phạm Tuyết N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao Bùi Vạn N2, sinh ngày 18/9/2003 cho anh Bùi Văn B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Chị Phạm Tuyết N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn B và chị Phạm Tuyết N mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 150.000 đồng. Anh B và chị N đều được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng tại biên lai số 0011826 và số 0011827 cùng ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện ĐD;
- CCTHADS huyện ĐD;
- UBND xã TD, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Trúc

